

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 629/2023/KDTM-ST
Ngày 18 tháng 4 năm 2023
*V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh
2. Ông Trần Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Tường Phúc, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 941/2022/TLST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần ĐA

Địa chỉ: 162/5 Hà Huy T, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đ;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Th-Chủ tịch Hội đồng quản trị (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: 162/5 Hà Huy T, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng KL (vắng mặt);

Địa Chỉ: 19G1 Đinh Bộ L, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị L-Tổng giám đốc (vắng mặt);

Địa chỉ: 40 Điện Biên P, Phường Q, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2021 và các lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần ĐA trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 28/9/2018, Công ty Cổ phần ĐA (viết tắt là công ty ĐA) có ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL (viết tắt là Công ty KL) hợp đồng kinh tế có giá trị là 12.060.000.000 đồng. Công ty ĐA đã cung cấp cho Công ty KL vật liệu xây dựng từ ngày 13/10/2018 đến 28/7/2019, tổng giá trị là 5.287.355.330 đồng. Công ty KL đã thanh toán cho Công ty ĐA 4.954.266.250 đồng, còn lại 333.089.080 đồng đến nay chưa thanh toán.

Ngày 02/12/2019, Công ty ĐA có ký với Công ty KL hợp đồng kinh tế số 1911, giá trị hợp đồng là 707.500.000 đồng về việc cung cấp vật liệu xây dựng. Công ty ĐA đã cung cấp cho Công ty KL vật liệu xây dựng từ ngày 13/12/2019 đến ngày 22/01/2020, tổng giá trị là 432.756.760 đồng. Công ty KL đã thanh toán cho Công ty ĐA 362.783.182 đồng, còn lại 69.973.578 đồng đến nay chưa thanh toán.

Công ty ĐA khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty KL phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc còn thiếu là 403.062.658 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về thời hạn thanh toán: Yêu cầu thanh toán đầy đủ một lần ngay khi bản án có hiệu pháp luật và tiếp tục tính lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL, có người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị L vắng mặt:

Tòa án đã triệu tập bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL, có người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị L-chức vụ: Tổng giám đốc tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án, lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải và đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL, có người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị L vẫn vắng mặt không có lý do.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử. Về giải quyết và xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận được qui định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL, có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại

điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về thủ tục:* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vắng mặt, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL, có người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến tham gia phiên Tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi số tiền tạm tính đến ngày 18/4/2023 là 533.925.828 đồng đồng. Trong đó, nợ gốc: 403.062.658 đồng (333.089.080 đồng + 69.973.578 đồng), tiền lãi 130.435.555 đồng (107.791.328 đồng + 22.644.227 đồng), Hội đồng xét xử xét:*

[3.1.1] *Về nợ gốc:*

Căn cứ hợp đồng kinh tế ngày 28/9/2018 về việc cung ứng vật liệu xây dựng giữa Công ty Cổ phần ĐA với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL cùng với các biên bản đối chiếu khối lượng, thì Công ty ĐA bán cho Công ty KL các loại các loại vật liệu xây dựng và Công ty KL còn nợ số tiền chưa thanh toán đến tháng 7/2019 là 1.183.089.080 đồng. Tuy nhiên, căn cứ Công văn số 16/CV-ĐA ngày 17/05/2021 của Công ty Cổ phần ĐA gửi đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL và bảng xác nhận tiền vào tài khoản đề ngày 13/12/2021 có sự xác nhận của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đắk Lắk thể hiện:

Số tiền Công ty KL còn nợ Công ty ĐA theo hợp đồng kinh tế ngày 28/9/2018 là 333.089.080 đồng.

Như vậy, đến ngày 22/01/2020 thì Công ty KL còn nợ chưa thanh toán cho Công ty ĐA đối với hợp đồng ký ngày 28/9/2018 là 333.089.080 đồng.

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 1911/HĐKT/KL-DA ngày 02/12/2019 về việc mua bán đá xây dựng giữa Công ty Cổ phần ĐA với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL cùng với biên bản đối chiếu khối lượng tháng 12/2019 và biên bản đối chiếu công nợ khối lượng tháng 01/2020 (ngày thanh toán cuối cùng 22/01/2020), có xác nhận của nguyên đơn và bị đơn, thì số tiền bị đơn công ty KL còn nợ chưa thanh toán đến ngày 22/01/2020 là 69.973.578 đồng.

Như vậy, Số tiền Công ty KL còn nợ Công ty ĐA theo hợp đồng kinh tế số 1911/HĐKT/KL-DA ngày 02/12/2019 là 69.973.578 đồng.

Từ đó cho đến nay, Công ty KL không tiếp tục thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nợ nào cho Công ty ĐA.

Tổng cộng số tiền nợ gốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL còn nợ Công ty Cổ phần ĐA tính đến ngày 18/4/2023 là 403.062.658 đồng.

Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại theo hợp đồng kinh tế ngày 28/9/2018 và hợp đồng kinh tế số 1911/HĐKT/KL-DA ngày 02/12/2019 tính đến ngày 18/4/2023 tổng cộng là

403.062.658 đồng (333.089.080 đồng + 69.973.578 đồng) là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1.2] Đối với yêu cầu tính lãi trên cơ sở qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (10%/năm), Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2015 qui định: Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán.

Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 27/02/2023, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và tại đơn trình bày ngày 10/4/2023 nguyên đơn tính lãi đối với hợp đồng ký ngày 28/9/2018 ngày tiếp theo của ngày thanh toán cuối cùng ngày 22/01/2020 là từ ngày 23/01/2020 đến ngày tòa tuyên án; đối với hợp đồng kinh tế số 1911/HĐKT/KL-DA ngày 02/12/2019 thì ngày hai bên đối chiếu khối lượng và thanh toán ngày cuối cùng là ngày 22/01/2020, nên ngày bắt đầu tính lãi là ngày 23/01/2020 đến ngày tòa tuyên án và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự quy định về lãi suất, do lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán cao hơn 10%/năm và mức lãi suất tại nhiều giai đoạn khác nhau, nhiều năm khác nhau, nên tính có lợi cho bị đơn thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 ($\frac{1}{2}$ 20%/năm là 10%) tại các thời điểm trả nợ. Như vậy, yêu cầu tính lãi theo quy định của bộ luật dân sự thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn chậm trả lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là 10%/năm, là có lợi cho bị đơn, nên căn cứ được chấp nhận.

Cả hai hợp đồng kinh tế ngày 28/9/2018 và hợp đồng kinh tế số 1911/HĐKT/KL-DA ngày 02/12/2019 đều không có quy định về tính lãi. Tuy nhiên căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự qui định: *Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền*

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự quy định về lãi suất, nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn được chấp nhận là 10%/năm, là theo quy định pháp luật nên được chấp nhận, cụ thể:

- Đối với hợp đồng ký ngày 28/9/2018 là 333.089.080 đồng, thời hạn được tính từ ngày thanh toán cuối cùng là ngày 22/01/2020. Như vậy, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 23/01/2020 đến 18/4/2023 là 03 năm 02 tháng 25 ngày. Số tiền lãi trên nợ gốc 333.089.080 đồng là (333.089.080 đồng x 03 năm x 10%)

$+((333.089.080 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 10\%)/12) + ((333.089.080 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} \times 10\%)/12/30) = 107.791.328 \text{ đồng}.$

- Đối với hợp đồng kinh tế số 1911/HĐKT/KL-DA ngày 02/12/2019 thì ngày hai bên đối chiếu khối lượng tháng 01/2019, bị đơn đã thanh toán ngày cuối cùng là ngày 22/01/2020. Do đó, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 23/01/2020 đến ngày 18/4/2023 là 03 năm 02 tháng 25 ngày. Số tiền lãi như sau: $(69.973.578 \text{ đồng} \times 03 \text{ năm} \times 10\%) + (69.973.578 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 10\%)/12 + (69.973.578 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} \times 10\%)/12/30 = 22.644.227 \text{ đồng}.$

Do đó, bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn tổng tiền lãi là: $107.791.328 \text{ đồng} + 22.644.227 \text{ đồng} = 130.435.555 \text{ đồng}$

Như vậy bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn tổng cộng tiền gốc và lãi là: $403.062.658 \text{ đồng} + 130.435.555 \text{ đồng} = 533.498.213 \text{ đồng}.$

-Về thời hạn thanh toán:

Nhận thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán đầy đủ làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn nên yêu cầu này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL, có người đại diện hợp pháp là bà Phạm Thị L không tham gia tố tụng nên không trình bày trước các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn đã tự mình khước từ quyền tham gia tố tụng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa xét xử.

Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 533.498.213 đồng là 25.339.928,52 đồng (làm tròn 25.339.929 đồng).

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần ĐA số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.061.253 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0004147 ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2015;
- Áp dụng Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần ĐA:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần ĐA số tiền 533.498.213 đồng (Trong đó nợ gốc theo hợp

đồng ký ngày 28/9/2018 là 333.089.080 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/4/2023 là 107.791.328 đồng; tiền gốc theo Hợp đồng kinh tế số 1911/HĐKT/KL-ĐA ngày 02/12/2019 là 69.973.578 đồng, tiền lãi là 22.644.227 đồng). Tiền gốc của 02 hợp đồng trên là 333.089.080 đồng + 69.973.578 đồng = 403.062.658 đồng, tiền lãi của hai hợp đồng trên là 107.791.328 đồng + 22.644.227 đồng = 130.435.555 đồng.

2. Về thời hạn thanh toán: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm số tiền trên cho Công ty Cổ phần ĐA làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KL phải chịu án phí là 25.339.929 đồng.

- Hoàn lại cho Công ty Cổ phần ĐA số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.061.253 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0004147 ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng